TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNST

Ngày 27 - 02 - 2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Đẹp**.

2. Ông **Nguyễn Văn Long**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M*** tham gia phiên tòa: bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 791/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về tranh chấp "ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2019, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị Q**, sinh năm 1978 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Nhóm S, xã T, huyện N, tỉnh Bình Thuận

Tạm trú: 312 ấp Mỹ T, xã Mỹ P, thành phố M, Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã L, huyện Th, tỉnh Long An.

Tạm trú: 312 ấp Mỹ T, xã Mỹ P, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo chị Bùi Thị Q, chị và anh Nguyễn Văn B sống chung vào năm 2007, có đăng ký kết hôn, do tìm hiểu. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên nhậu, cò bạc và bạo hành chị. Anh chị ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Trong quá trình ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 15/12/2007. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Anh Nguyễn Văn B vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Về tố tụng: thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xứ xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Về nội dung: Trong quá trình chung sống, giữa chị Q và anh B có mâu thuẫn kéo dài. Anh B vắng mặt không lý do chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Q ly hôn với anh B. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 15/12/2007. Chị Q yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét cháu A là bé gái, sau khi cah mẹ ly thân, cháu A do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Q.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Bùi Thị Q yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Tranh chấp được xác định là "Ly hôn", theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn B vắng mặt không lý do dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh B.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn B sống chung năm 2007, có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị Q yêu cầu được ly hôn nhưng anh B không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, chị Q và anh B sống ly thân kéo dài. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Q được quyền ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 15/12/2007. Chị Q yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu A là bé gái, sau khi cha mẹ ly thân, cháu A do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống vè tôn trọng nguyện vọng của cháu, cần giao cháu A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Q.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Q được quyền ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2/ Về con chung: chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 15/12/2007. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc chăm sóc giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: không có.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0013428 ngày 09/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên chị đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với anh B tính từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ).

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh TG.
- VKSND thành phố M.
- Chi cục THA DS.
- Đương sự.
- UBND xã L, huyện Th, tỉnh Long An.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương